

(Đề thi có 02 trang)

Họ, tên học sinh:.....Lớp:.....SBD:.....

MÃ ĐỀ 101

A. TRẮC NGHIỆM: (6,0 điểm)

Câu 1: Nguyên tử ở trạng thái trung hòa về điện khi:

- A. Số điện tích dương lớn hơn số điện tích âm. B. Số điện tích dương bé hơn số điện tích âm.
C. Số điện tích dương gấp đôi số điện tích âm. D. Số điện tích dương bằng số điện tích âm.

Câu 2: Kí hiệu hóa học được biểu diễn như thế nào?

- A. Biểu diễn bằng 2 chữ cái in hoa.
B. Biểu diễn bằng 1 hay 2 chữ cái thường.
C. Biểu diễn bằng 1 chữ cái in hoa.
D. Biểu diễn bằng 1 hay 2 chữ cái (chữ đầu in hoa, chữ sau viết thường).

Câu 3: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học được sắp xếp theo nguyên tắc nào?

- A. Tăng dần điện tích hạt nhân. B. Tăng dần số hạt electron.
C. Tăng dần theo khối lượng nguyên tử. D. Tăng dần theo số lớp electron.

Câu 4: Kí hiệu các nguyên tố nào sau đây được viết đúng?

- A. NA, K, BR. B. Bar, MG, aG. C. Cu, Zn, Au. D. Oh, So3, Cll.

Câu 5: Tất cả các trường hợp nào sau đây đều là hợp chất?

- A. NaCl, C₆H₁₂O₆, H₂O. B. Mg, Ba, O.
C. NaCl, O, Fe₂O₃. D. H, F, H₂O.

Câu 6: Dãy gồm các nguyên tố có hóa trị I là

- A. Pb, Fe, Ca. B. Cu, Al, Fe. C. K, Na, Ag. D. N, S, Zn.

Câu 7: Dãy gồm các nguyên tố có hóa trị II là

- A. Na, K, Cu. B. Ba, Ca, Zn. C. Al, Ag, Na. D. S, Fe, K.

Câu 8: Hãy đổi: 7,2 km/h =? m/s

- A. 3m/s. B. 4m/s. C. 2m/s. D. 3,6m/s.

Câu 9: Kí hiệu hóa học của nguyên tố chlorine là

- A. CL B. Cl. C. cL D. cl.

Câu 10: Đơn chất là những chất được tạo nên từ bao nhiêu nguyên tố hóa học?

- A. Từ 1 nguyên tố. B. Từ 2 nguyên tố trở lên.
C. Từ 3 nguyên tố, D. Từ 4 nguyên tố.

Câu 11: Trong nguyên tử, hạt mang điện tích âm là

- A. negatron. B. neutron. C. electron. D. proton.

Câu 12: Nguyên tử là

- A. hạt vô cùng nhỏ, trung hòa về điện.
B. hạt vô cùng nhỏ, mang điện tích âm.
C. hạt vô cùng nhỏ, mang điện tích dương.
D. hạt có kích thước gần như hạt cát, không mang điện.

Câu 13: Khối lượng phân tử sulfur dioxide (SO₂) và sulfur trioxide (SO₃) lần lượt là?

- A. 64 amu và 80 amu. B. 48 amu và 48 amu. C. 16 amu và 32 amu. D. 80 amu và 64 amu.

Câu 14: Cho các ion: K^+ , Mg^{2+} , SO_4^{2-} , Cl^- , NH_4^+ , NO_3^- . Có bao nhiêu ion dương?

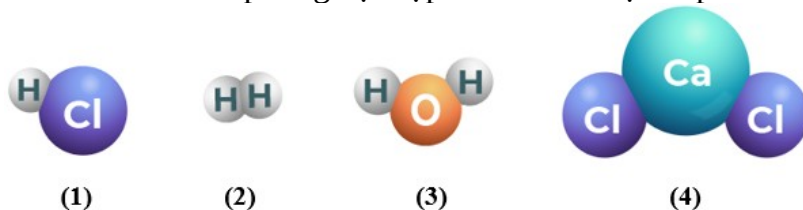
A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6.

Câu 15: Cho hình mô phỏng hạt hợp thành của một số phân tử:



A. (1).

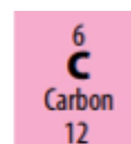
B. (2).

C. (3).

D. (4).

B. TỰ LUẬN (4,0 đ)

Bài 1: (1,0 điểm) Hãy cho biết thông tin có trong ô sau:



nguyên tố

Bài 2: (1,0 điểm) Tìm hóa trị của Mg trong phân tử $MgCl_2$.

Bài 3: (1,0 điểm) Lập công thức hóa học (theo hóa trị) của các nguyên tố sau: Na và O.

Bài 4: (1,0 điểm) Tìm tốc độ chuyển động của bạn Mai, biết Mai đi trên quãng đường 10km trong thời gian 0,5 giờ.

..... **Hết**

(Học sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị không giải thích gì thêm)

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

<https://www.facebook.com/groups/vnteach/>

<https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/>

MÃ ĐỀ: 101									
1.D	2.D	3.A	4.C	5.A	6.C	7.B	8.C	9.B	10.B
11.C	12.A	13.A	14.A	15.B					

B. Tự luận

Bài 1: Ô nguyên tố cho ta biết:

- Số hiệu nguyên tử: 6
- Kí hiệu hóa học: C
- Tên nguyên tố: Carbon
- Khối lượng nguyên tử: 12

Bài 2:

Gọi hóa trị của Mg là a $Mg^a Cl_2^I$

Áp dụng quy tắc hóa trị, ta có: $1.a=2.I$

$$\Rightarrow a = \frac{2.I}{1} = II$$

Vậy Mg hóa trị II

Câu 3:

Gọi công thức hóa học cần tìm là $Na_x^I O_y^{II}$

Áp dụng quy tắc hóa trị, ta có:

$$x.I = y.II$$

$$\Rightarrow \frac{x}{y} = \frac{II}{I} = \frac{2}{1}$$

$$\Rightarrow x = 2, y = 1$$

Vậy công thức hóa học cần tìm là Na_2O

Câu 4:

Tóm tắt

Giải

$$s=10\text{km}$$

Tốc độ chuyển động của bạn Mai là:

$$t=0,5 \text{ giờ}$$

$$v = \frac{s}{t} = \frac{10}{0,5} = 20(\text{km/ h})$$

$$v=?$$

Đáp số: 20km/h